

Tổ chức hành chính và quy hoạch đô thị Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XI - XIV

Vũ Văn Quân^{1,*}, Vũ Đường Luân²

¹ *Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, ĐHQGHN,
336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

² *Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 8 năm 2007

Tóm tắt. Sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc, những nỗ lực vượt bậc của các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê đã khẳng định một cách vững chắc nền độc lập, thể hiện rõ bước trưởng thành của ý thức dân tộc và sự xác lập của quốc gia thống nhất. Điều đó đã tạo điều kiện cho nhà Lý dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long vào năm 1010. Trước khi trở thành kinh đô của nhà Lý, khu vực Đại La - Thăng Long đã là một trung tâm dân cư đông đúc, trung tâm kinh tế, chính trị quân sự quan trọng từ thời thuộc Đường cho đến thế kỷ X ở vùng châu thổ Bắc Bộ. Từ sau khi dời đô, Thăng Long trở thành kinh đô của nước Đại Việt suốt bốn thế kỷ dưới hai triều Lý - Trần. Căn cứ vào nhiều nguồn tư liệu khác nhau, chúng ta có thể hình dung kinh đô Thăng Long đã được tổ chức theo các đơn vị hành chính là phường, dưới phường là ngõ và phố. Một số tên phường có thể được xác định một cách tương đối trên thực địa hiện nay. Cơ quan quản lý hành chính sớm nhất được biết tới ở kinh đô Thăng Long thế kỷ XI - XIV là ty Bình Bạc được thiết lập vào năm 1230. Những người đứng đầu cơ quan quản lý hành chính này đều là những vị quan thanh liêm, có kinh nghiệm quản lý ở nhiều địa phương trong cả nước. Mặt bằng quy hoạch của Thăng Long thời Lý - Trần được tổ chức khá chặt chẽ với hai khu vực chính: khu hành chính - quan liêu và khu kinh tế - dân gian. Tuy nhiên các khu vực này không hoàn toàn tách rời mà liên kết gắn bó với nhau. Thành Thăng Long thời Lý - Trần là sự thể hiện đầy đủ tính thích ứng, khả năng tận dụng tối đa các điều kiện tự nhiên, hài hoà với tự nhiên và môi trường trong quy hoạch và xây dựng của người Việt. Song nhìn một cách tổng thể, Thăng Long thế kỷ XI - XIV mới ở thời kỳ đầu của quá trình đô thị hoá với đậm đặc các dấu ấn tự nhiên. Tất cả những điều đó tạo nên một Thăng Long hoang sơ, tự nhiên trong buổi đầu trở thành kinh đô của nước Đại Việt.

1. Sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc, những nỗ lực vượt bậc của các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê đã khẳng định một cách vững chắc nền độc lập, thể hiện rõ bước trưởng thành của ý thức dân tộc và sự xác lập của

quốc gia thống nhất. Chính điều này trở thành cơ sở cho phép những người đứng đầu nhà nước thời Lý có thể có những quyết định làm tiền đề cho sự phát triển đất nước trên một tầm cao mới. Lý Công Uẩn - với phẩm chất của một nhà chiến lược thiên tài, cũng là người được thừa hưởng những tiền đề lịch sử, đã quyết định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La.

* Tác giả liên hệ. ĐT: 04-4-7760709
E-mail: quanvanvu@yahoo.com

Việc dời đô được chính thức tiến hành vào mùa thu, tháng 7 năm Canh Tuất (1010), "...vua từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đổi thuyền dười thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long" [1]. Sự kiện dời đô đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của thành Đại La - Thăng Long. Công cuộc kiến thiết và xây dựng kinh đô mới đã làm hiện dần lên dáng vóc của một đô thị - kinh đô bề thế, một trung tâm chính trị kinh tế của quốc gia Đại Việt độc lập ngày càng phát triển hùng cường.

Thực ra, không phải đợi đến khi Lý Công Uẩn định đô thì vùng đất trung tâm Hà Nội hiện nay mới bắt đầu bước vào quá trình đô thị hoá. Quá trình này đã diễn ra từ hàng trăm năm trước đó từ khi phong kiến phương Bắc quyết định chọn nơi đây làm trung tâm hành chính của quận Giao Chi (Bắc Bộ) rồi sau đó là An Nam đô hộ phủ (Bắc Trung Bộ). Cho đến cuối thế kỷ IX, thành Tống Bình - Đại La dưới thời thuộc Đường đã là một trung tâm dân cư đông đúc. Các tác giả *Hà Nội nghìn xưa* căn cứ vào sử nhà Đường cho biết dân cư nội ngoại thành lúc này có 15 vạn người [2]. Sách *Việt sử lược* còn chép vào năm 865 khi Cao Biền xây dựng Đại La thành thì trên mảnh đất này đã có tới 5000 gian nhà⁽¹⁾.

Lý Công Uẩn trong Chiếu dời đô có đoạn viết "Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương, ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không đông đúc, rừng rậm, muôn vật hết sức tươi tốt phong thịnh". Điều đó đã chứng tỏ rằng thành Đại La lúc đó

đã trở thành nơi tụ họp của bốn phương, là trung tâm chính trị và khu dân cư đông đúc vào cuối thời kỳ Bắc thuộc.

Sách *Sử học bị khảo* của Đặng Xuân Bảng cho biết vào thời thuộc Đường, huyện Tống Bình là lỵ sở của quận Giao Chi lúc đó đã có 11 *huong* [3]. Vào đầu thế kỷ X, với cải cách của Khúc Hạo vào năm 907 khi "đổi *huong* làm *giáp*, đặt ở mỗi *giáp* một viên quản *giáp* và phó *tri giáp* để giữ việc đóng thuế" [4] thì có thể các đơn vị hành chính ở thành Đại La lúc này đã được chuyển từ *huong* thành *giáp*.

Cho đến khi trở thành kinh đô của quốc gia Đại Việt, quá trình đô thị hoá ở Đại La - Thăng Long lại càng có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn trước. Chắc chắn nơi đây đã thu hút được nhiều luồng cư dân từ khắp mọi miền đất nước mà chủ yếu là khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ về đây sinh sống. Chưa có một nguồn tư liệu nào cho chúng ta biết một cách trực tiếp và chính xác về dân số của Thăng Long dưới thời Lý (1009-1225) song qua các ghi chép tản mạn trong các bộ chính sử lớn thì chắc chắn cư dân ở Thăng Long vào giai đoạn này đã được tổ chức theo các đơn vị hành chính là *phường*.

Một số ghi chép qua các cuốn sử biên niên cho chúng ta biết tên gọi của một số phường ở Thăng Long dưới thời Lý như: *Thái Hoà, Báo Thiên, Phùng Nhật, Cơ Xá, Bồ Cối, Thịnh Quang, Tây Nhai, An Hoa, Giang Khẩu...* Sang thời Trần (1226-1400), bên cạnh các phường đã có dưới thời Lý thì cũng xuất hiện thêm tên gọi của một số phường mới như phường *Hạc Kiều, phường Nhai Tuân, phường Toán Viên, phường Các Đài...*

Nguyễn Trãi trong cuốn *Dư địa chí* được biên soạn vào năm 1435 cũng cho chúng ta thêm một số tên phường ở phủ Phụng Thiên mà có thể phần lớn đã từng tồn tại ở Thăng Long giai đoạn trước đó như "*Phường Tàng Kiếm làm kiệu, áo giáp, đồ đài, mâm võng, gấm*

(1) Sách Đại Việt sử ký toàn thư lại chép là 40 vạn gian nhà. Theo chúng tôi con số do Việt sử lược ghi là phù hợp vì vào thế kỷ IX, thành Đại La chưa thể có số lượng dân cư lớn đến như vậy được.

trều và dù lọng. Phường Yên Thái làm giấy. Phường Thụy Chương và Nghi Tâm dệt vải nhỏ và lụa. Phường Hà Tân nung đá vôi. Phường Hàng Đào nhuộm điều, phường Tả Nhật làm quạt, Tây Hồ có cá to. Phường Thịnh Quang có long nhãn. Phường Đông Nhân bán áo diệp y”.

Như vậy, bằng nhiều nguồn thông tin khác nhau chúng ta đã có một hệ thống tên gọi các đơn vị hành chính ở Thăng Long từ thế kỷ XI-XV. Năm 1230, lần đầu tiên số lượng các phường ở Thăng Long được nhắc đến đó là khi nhà vua cho “*định lại các phường ở hai bên tả hữu của kinh thành, bắt chước đời trước chia làm 61 phường*” [5]. Sự kiện trên càng cho ta đi đến kết luận rằng phần lớn các phường ở Thăng Long trong các thế kỷ XI - XIV đã được hình thành vào thời Lý. Với hơn hai trăm năm xây dựng và phát triển kể từ ngày định đô, diện mạo Thăng Long dưới triều Lý về cơ bản đã được quy hoạch. Đó chính là nền tảng căn bản nhất cho sự phát triển của kinh thành trong các giai đoạn sau này.

Nói như vậy không có nghĩa chúng ta phủ nhận sự phát triển cũng như quá trình đô thị hoá đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ ở Thăng Long trong suốt mấy thế kỷ. Chắc chắn vào thời Trần, số lượng dân cư và quy mô của kinh thành Thăng Long đã khác trước. Thăng Long dưới thời Trần không chỉ là nơi tụ hội của các cư dân trong nước mà nó còn là nơi tập trung của nhiều cư dân nước ngoài đến làm ăn sinh sống bằng nhiều con đường khác nhau. Các nguồn thư tịch cổ đã chép nhiều lần các cư dân đến từ phương Bắc và phương Nam đã vượt biển đến sinh sống ở đây. Đó là vào năm 1272, 30 thuyền biển của người Tống chống lại nhà Nguyên chở đầy vợ con và của cải sang ta xin cư trú và vua Trần cho ở phường Giai Tuân, hay sự kiện năm 1302 “*có người đạo sĩ ở phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở*

bến sông An Hoa” [5]. Nhiều tù binh Chiêm Thành, sau các cuộc chiến tranh đã trở thành điền nô ở vùng Cáo Xã (nay là các làng Phú Thượng, Nhật Tảo). Đây chính là những chứng cứ cho quá trình phát triển dân cư liên tục của Thăng Long kể từ ngày định đô. Bên cạnh quá trình đô thị hoá mang tính tự nhiên, nhà nước trung ương tập quyền cũng đã có nhiều biện pháp khác nhau để quy hoạch và xây dựng các khu dân cư mới xung quanh kinh thành. Năm 1362, vua Trần Dụ Tông đã “*sai tư nô cày một mẫu đất ở trên bờ Bắc của sông Tô Lịch để trồng hành tỏi, rau dưa đem bán và gọi tên phường ấy là Toán Viên*” [5].

Sự gia tăng dân số và việc mở rộng các đơn vị cư trú là hai yếu tố chủ đạo và diễn ra thường xuyên ở Thăng Long trong suốt các thế kỷ XI-XIV. Tuy nhiên, đến cuối thời Trần đặc biệt là dưới triều Hồ (1400-1407), xu hướng này có phần chậm lại bởi những biến động to lớn về mặt chính trị; và cũng bởi vì Thăng Long dần không còn trở thành trung tâm hành chính của nhà nước Đại Ngu khi Hồ Quý Ly cho xây dựng kinh đô mới ở Tây Đô (Thanh Hoá). Mặc dù vậy, nhà Hồ với thời gian tồn tại ngắn ngủi của mình chưa đủ sức tạo ra những nhân tố cho sự suy tàn của Thăng Long. Bề dầy phát triển suốt mấy thế kỷ của Thăng Long dưới hai triều Lý - Trần không những không mất đi mà được chuyển trở thành động lực cho sự thay đổi to lớn về diện mạo của mảnh đất này vào nửa cuối thế kỷ XV khi Thăng Long trở thành kinh đô của nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lê.

2. Từ lâu, việc xác định đầy đủ số lượng và tên gọi của các phường ở Thăng Long thời Lý - Trần đã trở thành một bài toán chưa có lời giải đối với những người nghiên cứu lịch sử Hà Nội. Những thông tin ít ỏi trong các tài liệu địa chí và sử biên niên chưa đủ cho chúng ta dựng lại một cách chính xác địa giới của các đơn vị này. Mặt khác, sự thay đổi số

lượng và tên gọi các đơn vị hành chính và việc xác định thời điểm ra đời của mỗi phường là những vấn đề chưa thể giải quyết ngay được. Mặc dù vậy, trên cơ sở vào một số nguồn tư liệu thư tịch hiện có kết hợp với các tư liệu dân gian, chúng ta có thể bước đầu xác định được một cách tương đối vị trí của một số phường trên bản đồ Hà Nội hiện nay. Điều này cho chúng ta những hiểu biết tổng thể đầu tiên về diện mạo của Thăng Long trong giai đoạn Lý - Trần [6, 7].

Nhìn một cách tổng quan thì ngay từ quy hoạch đầu tiên các khu dân cư đã được hình thành chủ yếu ở hai bên tả hữu của kinh thành. Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện tự nhiên của mảnh đất này cách đây gần mười thế kỷ.

Ở phía Đông và phía Bắc là các thôn xóm nằm dọc theo con đê sông Hồng chạy từ khu vực Hồ Tây xuống phía Nam. Các tài liệu thư tịch cổ và tư liệu dân gian đã nói tới *phường Hoè Nhai* nằm trên đường trồng Hoè ra bên Đông Bộ Đầu nay là các phố Hoè Nhai, Hàng Than, Yên Phụ, phía trên của cầu Long Biên. Cạnh đó là *phường Giang Tân*, sau đổi là phường Hà Tân và Thạch Khôi mà nay còn đình Thạch Khôi Thượng ở 64 Yên Phụ và đình Thạch Khôi Hạ ở 12 Hàng Than là nơi chuyên nung đá vôi phục vụ cho kinh thành. Ở phía Nam là *phường Cơ Xá*, nơi vào năm 1108 vua Lý Nhân Tông cho đắp đê phòng lụt, mãi đến năm 1911 mới được đổi tên là Phúc Xá và nằm ở phía Đông của đường Yên Phụ hiện nay.

Từ bến Đông Bộ Đầu (khu vực chùa Hoè Nhai nằm trên đường Hàng Than) dọc theo con đê sông Hồng lên phía Bắc là vị trí của *phường An Hoa*, nơi làm lễ hoả táng của vua Lý Huệ Tông vào năm 1226. Sử cũ còn ghi: "Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo... ra lệnh cho các quan đến khóc, khoét tường thành phía Nam làm cửa (người bấy giờ gọi là cửa Khoét) đưa linh cữu ra phường Yên Hoa để thiêu"

[5]. Điều này khẳng định rằng phường An Hoa nằm rất gần với khu hành chính chính trị của nhà nước. Năm 1302, một đạo sĩ người phương Bắc là *Hứa Tông Đạo* sang nước ta và được vua Trần cho trú ngụ ở phường này [5]. Đến năm 1427, Lê Lợi thân đốc các tướng đắp một bức lũy từ phường An Hoa đến cửa Bắc thành để chống quân Minh. Sang thời Nguyễn, phường này được đổi tên là Yên Phụ, tức cửa ô Yên Phụ ngày nay.

Phía trên của phường An Hoa là *trại Tâm Tang* nằm bên cạnh Hồ Tây, nơi những người phụ nữ có tội bị đày làm "tang thất phụ" phải lao dịch vất vả. Sau đó, công chúa Từ Hoa, con gái vua Lý Nhân Tông đã xin ra ở đó, cùng cung nữ làm nghề trồng dâu, chăn tằm. Đến đời Trần được đổi tên thành *phường Tích Ma*. Sau này chúa Trịnh cho xây chùa Kim Liên trên nền cũ của cung Từ Hoa thời Lý mà dấu vết nay vẫn còn.

Men theo dòng sông Tô Lịch chảy sát với kinh thành cổ sang phía Tây chúng ta bắt gặp cuộc sống thanh bình của những cư dân vùng ven Hồ Tây chuyên làm nông nghiệp gắn liền với các hoạt động thủ công truyền thống. Đó là phường Toán Viên chuyên trồng hành tỏi, rau dưa đem bán; rồi khu dân cư ở Thụy Chương với nghề nấu rượu để cung cấp cho kinh thành, nơi vào năm 1391, Hồ Quý Ly đã cho xây cung điện. Sách *Tây hồ chí* còn ghi: "Điện ở trên bờ phía Nam hồ, trước mặt là sông gọi là *điện Thụy Chương*, là nơi nhà Trần dựng lên làm yến tiệc. Về sau họ Hồ phá đi, nhặt lấy gỗ ngói đem về Tây Đô. Đến đời Lê, dân địa phương nhân nền cũ lập đền Linh Lang. Đời Hồng Đức lấy tên cũ đặt cho phường. Hậu Lê cũng để nguyên. Ngày nay có làng *Thụy Chương* là vì thế"⁽²⁾. Xa hơn chút nữa đến vùng Bưởi là nơi sinh sống của các cư dân dệt vải và làm giấy ở các phường Nghi Tâm và Yên Thái. Cuộc

(2) Tây Hồ chí, Bản dịch Tư liệu Khoa Lịch sử.

sống rộn rã gắn liền với lao động và sản xuất nơi đây còn lưu lại những âm hưởng sống động trong Tụng Tây Hồ phú của Nguyễn Huy Lượng vào cuối thế kỷ XVIII.

Tương truyền khu vực phía Tây còn có *phường Thái Hoà* nơi có nhà của Thái úy Lý Thường Kiệt dưới thời Lý. Sách *Việt sử lược* cho biết cầu Thái Hoà bắc qua sông Tô Lịch ở cạnh đền Chúc Thánh, mà nay chùa Chúc Thánh vẫn còn nằm ở khu vực làng Hồ Khẩu trên đường Thụy Khuê. Điều đó chứng tỏ phường Thái Hoà vào thời Lý rất có thể nằm ở gần khu vực Hồ Khẩu hiện nay.

Phía Tây còn có một phường hết sức nổi tiếng đó là *phường Tây Nhai* được nhắc đến nhiều lần trong các thư tịch, gắn liền với các địa danh như chợ Tây, cầu và cửa thành Tây Dương. Một số ý kiến cho rằng cầu Tây Dương chính là Cầu Giáy hiện nay. Vậy thì phải chăng phường Tây Nhai chính khu dân cư xung quanh khu vực này nằm sát với cửa phía Tây của thành Thăng Long xưa?

Khu thương mại sầm uất ở phía Đông (nằm gần cửa sông Tô Lịch thông với sông Hồng) được bắt đầu bằng phường *Giang Khẩu* (sau đổi là phường Hà Khẩu) với các hàng quán chen chúc sát tới tận đền Bạch Mã (36 Hàng Buồm) đều được ghi lại trong các sách *Việt điện u linh* và *Lĩnh Nam chích quái*. Đây là khu dân cư nằm ở cửa ngõ phía Đông của kinh thành, nơi có các hoạt động trao đổi của Thăng Long với khắp mọi nơi và cũng là địa điểm diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng. Năm 1309, đây là nơi trị tội những kẻ đại nghịch và đến năm 1390 lại trở thành khu vực vua Trần Nghệ Tông giam Dương Nhật Lễ. Phường này cũng gắn với *chợ Đông* là trung tâm thương mại của Thăng Long qua nhiều giai đoạn lịch sử.

Cùng với các phường buôn bán, ở khu vực phía Đông kinh thành còn có nhiều phường thủ công nghiệp chuyên sản xuất

nhiều mặt hàng khác nhau phục vụ nhu cầu đời sống và trao đổi. Đó là *phường Tàng Kiếm* chuyên làm kiếm, áo giáp, binh khí, võng, lọng nay là khu vực phố Hàng Trống, Hàng Nón rồi *phường Hàng Đào* chuyên nhuộm điều. *Phường Kiều Các Đài* hẳn sau này là phường Đông Các thời Lê nay là khu vực phố Hàng Bạc chuyên làm nghề đúc và trao đổi bạc. *Phường Đường Nhân* chuyên bán áo diệp y là nơi cư trú của các thương nhân người Quảng Đông (Trung Quốc) đến buôn bán và sinh sống, đến thời Lê đổi tên là phường Diên Hưng, nay là khu vực phố Hàng Ngang.

Xuôi xuống phía Nam chúng ta đến *phường Báo Thiên*, nơi xây dựng toà *Đại thắng tu thiên bảo tháp* cao 12 tầng soi bóng xuống hồ Lục Thủy (Hồ Gươm) là một trong những công trình nổi tiếng ở Thăng Long. Cho đến cuối thế kỷ XIX, toà tháp này tuy không còn nữa nhưng nền của nó vẫn còn dấu vết cho tới khi người Pháp đến đây đã cho xây dựng Nhà thờ lớn trên đó. Vậy từ đó có thể suy đoán rằng phường Báo Thiên vào khoảng khu vực các phố Lý Quốc Sư và Nhà Chung. Khu dân cư của Thăng Long có thể còn mở rộng xuống khu vực bãi Đồng Nhân với việc dựng đền Hai Bà và Xuy Vưu ở *phường Bồ Cai* vào năm 1160. Hiện nay, đền Hai Bà Trung vẫn còn nằm ở khu vực phố Đồng Nhân thuộc quận Hai Bà Trưng.

Ở phía Nam của Hoàng Thành, các tài liệu còn nhắc tới tên của một số phường như *phường Thịnh Quang* (khu vực ngoài thành, xung quanh cửa ô Chợ Dừa) có long nhãn ngon nổi tiếng, có *phường Xã Đàn*⁽³⁾ là nơi nhà Lý đắp đàn Viên Khâu để tế trời đất. Còn rất

(3) Dấu tích của phường Xã Đàn là đàn Xã Tắc (hay còn gọi là đàn Viên Khâu hiện nay mới được phát hiện tại khu vực cuối đường Nguyễn Lương Bằng, đầu đường Khâm Thiên vào cuối năm 2006. Tại đây người ta đã phát hiện nhiều vật liệu xây dựng và dấu tích nền móng kiến trúc có niên đại từ thế kỷ thế kỷ X đến thế kỷ XIX.

nhiều tên phường như *phường Phụng Nhật, phường Giai Tuân, Hoa Thị...* mà cho đến nay chúng ta chưa xác định được vị trí cụ thể. Tuy nhiên, qua tất cả những phường mà đã xác định được, chúng ta có thể hình dung đến một hệ thống các khu dân cư bao bọc và bảo vệ lấy khu trung tâm chính trị của kinh đô và cũng là của quốc gia Đại Việt. Điều đó làm hiện lên một Thăng Long với kết cấu hành chính mang tính chất của một đô thị ở phương Đông ngày càng rõ nét.

Thăng Long vào thời Lý-Trần không chỉ có phường mà còn có những đơn vị dân cư nhỏ hơn nữa đó là *ngõ và phố*. Mặc dù không nhiều song một số tên gọi của ngõ cũng được nhắc tới qua các bộ sử biên niên.

Năm 1212, “vua sai người đi võ về binh chúng của TỰ, bị phó tướng của TỰ là Nguyễn Cựết giết đi. Vua giận lắm, TỰ làm tướng đi dẹp Cựết ở ngoài thành Tây Dương. Đến ngõ Phố Hỷ quan quân đại bại, để mất thanh bảo kiếm vua thường đeo. Vua quay ngựa về, đến ngõ *Giao Tác* thì thoát được”. Năm 1214, “vua nghe tin Nguyễn Nghạnh đến bèn đi đến nhà Doãn Bá ở ngõ *Phiên Cầm*”. Ngay sau đó vào năm 1215 “vua từ dinh Thái Hoà ngự đến nhà Đặng Lão ở Trương Canh, hỏi giá về nhà Nội ký ban Đỗ An ở ngõ *Chỉ Tác* tại cầu”. Như vậy, chỉ trong một khu vực dân cư xung quanh cầu Tây Dương hàng loạt tên ngõ khác nhau đã được nhắc tới.

Đại Việt sử ký toàn thư chép sự kiện năm 1270 “Tháng 7, mùa thu nước to. các đường phố ở kinh đô phần nhiều phải đi lại bằng thuyền bè”. Năm 1304 cho “dẫn 3 người đồ đầu ra cửa Long Môn của Phượng Thành đi du ngoạn đường phố 3 ngày” [5]. Chuyện cũ kể lại rằng vào ban đêm vua Lý Anh Tông

thường xuyên lên ra bên ngoài để đi dạo chơi khắp các phố phường trong kinh thành.

Những điều đó nói lên rằng Thăng Long lúc này thực sự không còn là những thôn phường đơn lẻ nằm rải rác xung quanh một khu vực được bao bọc bởi hệ thống thành lũy mà đã mang vóc dáng thật sự của một đô thị đang trên đà phát triển với những phố, phường, ngõ, xóm đông đúc và trù mật. Diện mạo kinh thành tuy chưa bộc lộ hết qua hệ thống các đơn vị hành chính song rõ ràng qua đây chúng ta đã phần nào hiểu được một bức tranh tổng thể Thăng Long trong giai đoạn phát triển đầu tiên kể từ ngày định đô.

3. Quá trình gia tăng dân số cùng với việc hình thành ngày càng nhiều các đơn vị hành chính đòi hỏi phải có một tổ chức quản lý hành chính của nhà nước nhằm thực hiện các chức năng công cộng như bảo vệ trật tự và xã hội ở kinh thành. Mặt khác, các nhà nước phong kiến Việt Nam dù ở thời nào luôn ý thức được việc kiểm soát các địa phương làm nền tảng xây dựng cơ sở kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt, với kinh đô Thăng Long, một trung tâm chính trị hành chính, nơi diễn ra nhiều hoạt động quan trọng thì vấn đề ấy lại cần được quan tâm hơn bao giờ hết.

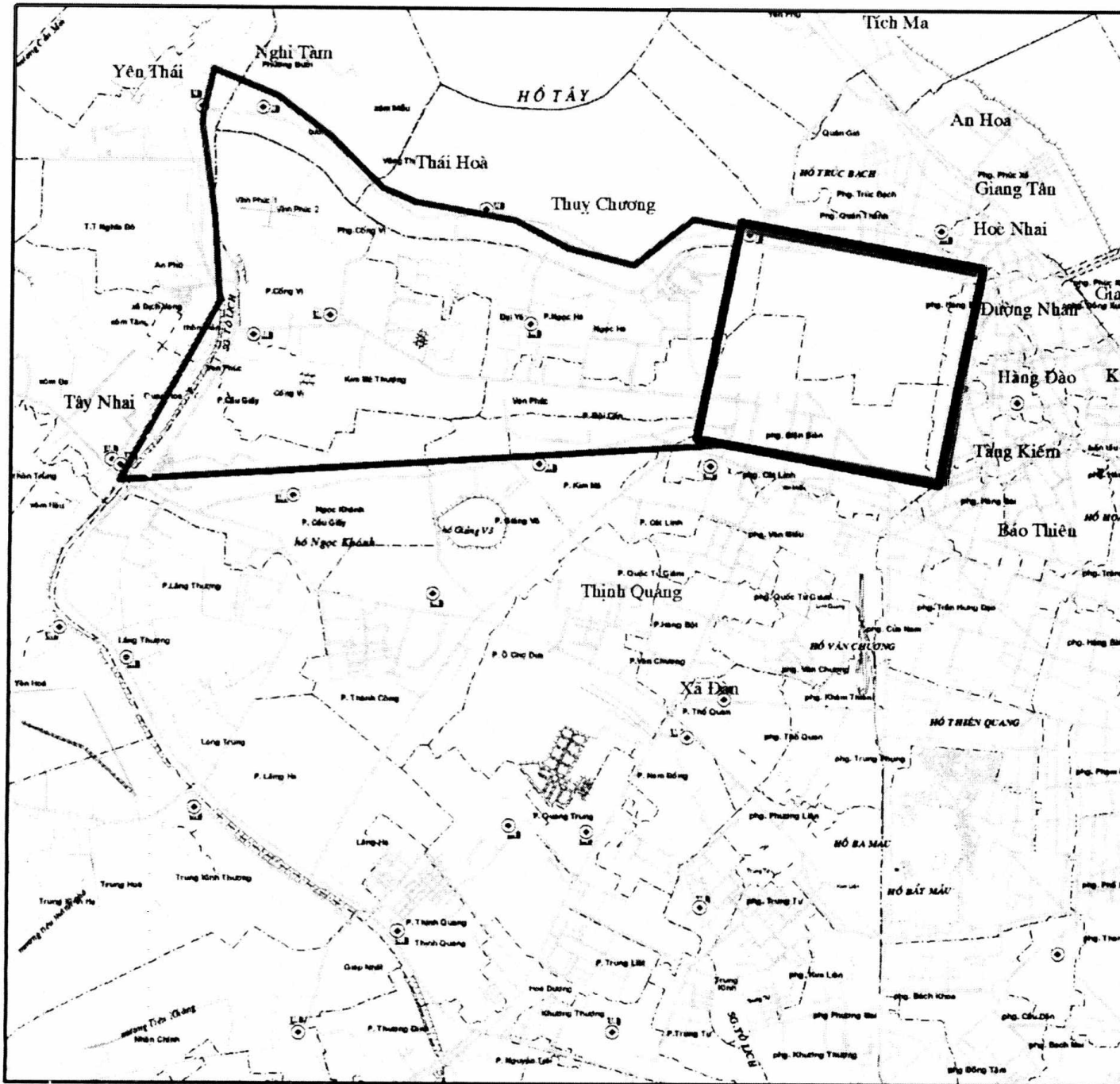
Có thể tổ chức quản lý ở Thăng Long đã ra đời dưới thời Lý, tuy nhiên lại chưa có tư liệu nào cho chúng ta những thông tin về cơ quan này. Cơ quan quản lý sớm nhất ở Thăng Long được biết tới qua các nguồn thư tịch cổ đó là *tý Bình Bạc* được nhà Trần thiết lập vào năm 1230. Đứng đầu là chức Kinh doãn phụ trách xét đoán việc kiện tụng ở kinh thành. Thực ra, Kinh doãn là chức quan cai trị kinh thành nói chung chứ không phải chỉ chuyên việc xử kiện.

ic phường
Long
- XIV

ới hạn của
àng Thành

ới hạn của
m Thành

ên phường



Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú ghi: “Đầu nhà Trần, khoảng đời Kiến Trung (1225-1232) bắt đầu đặt Kinh thành bình bạc ty. Đến đời Thánh Tông, Thiệu Long (1258-1273) đổi làm Kinh sư đại an phủ sứ, lấy chức An phủ sứ các lộ đã làm việc mãn kỳ khảo khoa vào giữ chức ấy. Đến Hiến Tông, đời Khai Hựu (1329-1341) lại đổi làm chức Kinh đô đại doãn. Đến Thuận Tông, đời Quang Thái (1388-1398) lại đổi làm chức Trung đô doãn. Nhà Lê buổi đầu theo nhà Trần đặt Trung đô phủ doãn, thiếu doãn. Đời Hồng Đức định lại quan chế đổi làm Phụng Thiên phủ doãn, thiếu doãn, phẩm trật ở vào hàng chánh ngũ. Thời trung hưng về sau noi theo không đổi” [8].

Như vậy, cơ quan hành chính ở Thăng Long thì thời nào cũng có và vị trí đứng đầu cơ quan ấy lại có vai trò hết sức quan trọng. Mặc dù, khu vực kinh thành được coi như tương đương với một phủ, một lộ nhưng qua thực tế của một số người đứng đầu Thăng Long giai đoạn này, chúng ta có thể thấy nhà Trần rất coi trọng chức vụ này và có chế độ tuyển chọn rất cẩn thận. Muốn đứng đầu cơ quan cai trị ở Thăng Long, người đó phải trải qua công tác thực tế cai trị ở lộ các phủ trong nước; đủ lệ khảo duyệt thì được cử về làm An phủ sứ phủ (lộ) Thiên Trường là quê hương nhà Trần và có cung của Thượng hoàng triều Trần; lại đủ lệ khảo duyệt thì bổ làm Thẩm hình viện sự rồi mới được bổ làm Kinh sư đại an phủ sứ (hay là Kinh sư đại doãn). Chính vì thế mà trong suốt gần hai trăm năm dưới thời Trần, ở Thăng Long đã xuất hiện nhiều viên quan cai trị nổi tiếng cả về đức độ và tài năng.

Đó là *Trần Thì Kiến*, người làng Cự Sạ huyện Đông Triều, Hải Dương trước làm môn khách của Hưng Đạo Vương sau được cất lên làm An phủ sứ Thiên Trường, làm quan rất liêm khiết. Năm 1297, ông được giữ

chức Đại an phủ sứ kinh sư. Ông giỏi dịch lý có tài xử kiện, mọi việc trước hết đều dựa theo pháp luật mà quyết đoán, không ăn của đút. Có lần nhân ngày giỗ, người ta biếu ông mâm cỗ, Thì Kiến hỏi vì có gì mà biếu, người ấy trả lời là: “Vì ở gần trị sở nên đem biếu chứ không kêu xin gì”. Nhưng mấy ngày sau, quả nhiên người ấy có việc đến nhờ, ông mớ hòng mưa ra hết. Sử thần Ngô Sĩ Liên khen ngợi “*Thì Kiến hành động lạ lòng để uốn nắn cái tệ xin xỏ xưa người bấy giờ, cũng như Án Anh tẫn tiện quá mức để uốn nắn cái thói xa xỉ tiếm lễ của Quản Trọng vậy*”. Ông làm quan trải đến đời Minh Tông làm đến chức Tả bộc xạ.

Nguyễn Trung Ngạn người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, Hưng Yên và *Trương Đỗ* đều làm Tổng quản phủ Trung Đô cuối thời Trần cũng là những vị quan trung nghĩa được sử sách ca ngợi về tính thanh liêm, tài năng và đức độ. Những vị quan như thế đứng đầu Thăng Long trong các thế kỷ XIII-XIV phần nào phản ánh vai trò quan trọng của mảnh đất này đối với sự phát triển của đất nước.

Thăng Long với tổ chức và bộ máy hành chính còn hết sức giản đơn chắc chưa thể làm hiện lên một kinh đô mang đầy đủ những đặc trưng của nó. Song rõ ràng, quá trình xây dựng và phát triển suốt mấy thế kỷ dưới hai triều Lý - Trần đã làm cho Thăng Long mang một bộ mặt hoàn toàn khác. Sự hiện diện của tổ chức và bộ máy quản lý hành chính đó không chỉ là tiền đề cho quá trình phát triển của mảnh đất này mà hơn thế nó đã làm cho Thăng Long thực sự thoát thai thành một đô thị. Hình dáng một lý sở của chính quyền đô hộ đã dần nhường chỗ cho kinh thành của một quốc gia độc lập to lớn, bề thế đang vươn lên cùng khí thế rồng bay của cả dân tộc.

4. Các kết quả nghiên cứu về hệ thống hành chính, kiến trúc và thành lũy Thăng Long thời Lý - Trần trong những năm gần

đây là cơ sở quan trọng cho chúng ta bước đầu có thể nhận diện được bộ mặt của kinh thành cách đây gần mười thế kỷ.

Một số ý kiến cho rằng muốn xác định địa giới và diện mạo của thành Thăng Long cần căn cứ theo phạm vi của hệ thống thành lũy. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng các hệ thống thành lũy ở Thăng Long không hoàn toàn là ranh giới hành chính. Trên thực tế, có những khu dân cư nằm ở bên ngoài thành nhưng trong một phạm vi nào đó nó có những mối liên hệ kinh tế - xã hội thường xuyên với các khu vực kinh tế đô thị. Hay nhiều khu vực trong Hoàng Thành không nhất thiết phải mang những đặc trưng của một hệ thống hành chính - chính trị, đặc biệt là vào thời Lý - Trần. Nhưng xét đến cùng, Thăng Long ngay từ đầu đã có một sự quy hoạch khá hoàn chỉnh với hai khu vực: hành chính và dân gian.

4.1. Khu hành chính - quan liêu

Thăng Long trước hết được biết đến vào thời Lý - Trần như là một đô thành, trung tâm chính trị trọng yếu của quốc gia Đại Việt. Chính vì vậy, khu vực hành chính - chính trị (nơi được bao bọc bởi hệ thống thành lũy kiên cố, là khu vực ở và làm việc của nhà vua và tầng lớp quý tộc) được nhà nước phong kiến Việt Nam dù ở thời nào cũng hết sức quan tâm xây dựng. Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận rằng đây là khu vực có nhiều biến động và thăng trầm nhất của kinh thành. Dưới hai triều Lý - Trần, đã có lúc Thăng Long từng bề thế, lộng lẫy với những cung điện nguy nga và cũng có lúc khu vực này trở nên hoang phế bởi những thiên tai, những cuộc chiến tranh và cả những sự biến cung đình. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, thì việc nhận diện khu vực hành chính có vai trò quyết định trong nhận thức về diện mạo thành Thăng Long thế kỷ XI-XIV.

Nằm trên khu vực đất cao, ở chính giữa của Cẩm Thành và Hoàng Thành là một quần thể cung điện mà trung tâm là điện Càn Nguyên - Thiên An, nơi thiết triều và diễn ra nhiều hoạt động chính trị của đất nước. Liên tiếp các năm sau đó, nhiều cung điện cũng đã được xây thêm ở khu vực này phục vụ nhu cầu của nhà vua và hoàng gia.

Những mô tả qua các nguồn thư tịch cổ phần nào cho chúng ta phần nào hiểu rõ mặt bằng quy hoạch chung của khu cung điện trung tâm. "*Phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi châu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ. Lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, hướng chính nam dựng điện Cao Minh, đều có thêm rồng, trong thêm rồng có hành lang dẫn ra xung quanh bốn phía. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An và Long Thụy làm nơi vua nghỉ. Bên tả xây điện Nhật Quang, bên hữu xây điện Nguyệt Minh, phía sau dựng hai cung Thuý Hoa, Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ*" [1].

Những ghi chép của các sử thần Trung Quốc khi đến đây vào giai đoạn này cũng cho biết: "Chỗ ở của tù trưởng [chỉ vua Lý] ở trên lầu bốn tầng. Tù trưởng tự mình ở tầng hai. Tầng bốn thì quân sĩ ở. Lại có cung Thuý Tinh, điện Thiên Quang... Riêng có một gác còn có bồng đờ An Nam đô hộ phủ. Các tầng gác đều sơn son, cột trụ có vẽ rồng, hạc và tiên nữ... Cửa cung có một cái lầu treo quả chuông lớn, nhân dân ai có việc gì kêu thì đánh chuông"⁽⁴⁾.

Các dấu vết kiến trúc có quy mô lớn ở khu vực 18 Hoàng Diệu, phía Tây của điện Kính Thiên đã làm sáng tỏ nhiều hoài nghi về diện mạo của khu vực này. Bao quanh khu hành chính là những hệ thống trạm gác được

⁽⁴⁾ Phạm Thành Đại, *Quế Hải ngụ hành chí*, Bản dịch tư liệu Khoa Lịch sử.

bảo vệ một cách nghiêm mật. "...Có 8 quân như Ngự Long quân, Vũ Thắng quân đều ở bên tả hữu, mỗi quân có 200 người đều thích ngang trán là Thiên tử binh, lại có 9 quân như Hùng Lược, Dũng Kiệt để xung việc sai khiến"⁽⁵⁾.

Dấu vết và tên gọi của các hệ thống cửa qua các nguồn thư tịch và kết quả khảo cổ học cho chúng ta đi đến kết luận rằng mặt bằng tổng thể Hoàng Thành Thăng Long thời Lý - Trần còn bao gồm nhiều khu vực khác nhau. Bên trong Hoàng Thành không chỉ có những khu hành chính - chính trị mà còn có những nơi phục vụ các nhu cầu vui chơi, thường ngoạn và tín ngưỡng, tâm linh của triều đình, trong đó khu vực phía Tây (mà sau này là khu vực Thập Tam Trại) đóng một vai trò quan trọng.

Nếu chúng ta nghiên cứu kỹ các tấm bản đồ Thăng Long thời Lê và đặc biệt là bản đồ Hà Nội năm 1873 của Phạm Đình Bách thì dễ dàng nhận ra rằng cho đến các thế kỷ sau này, khu vực phía Tây thành Thăng Long vẫn còn mang đậm dấu ấn tự nhiên. Những hồ nước trải dài, liên tiếp; những khu vực còn hoang sơ vừa như một vùng đệm, tách rời giữa khu trung tâm với các khu dân cư, vừa tạo ra một sự huyền bí, linh thiêng của kinh thành cổ. Các nguồn tư liệu cũng cho biết, khu vực này đã từng có rất nhiều vườn ngự uyển, những ngôi chùa (như chùa *Chân Giáo*, *Diên Hựu*), cung Đạo giáo (*cung Thái Thanh*, *cung Cảnh Linh*) nổi tiếng của kinh thành. Trong những sự biến nguy cấp, những hào nước ở phía Tây lại trở thành con đường giao thông thủy thuận lợi để ra khỏi Thăng Long.

Dịch sang phía Đông, sát với các khu buôn bán ở bên ngoài cửa Đông cũng hình thành các khu vực hành chính nhưng bao gồm nhiều lớp khác nhau tạo ra một sự an

toàn nhất định cho hoàng cung. Sau này, khu vực phía Đông trở thành Đông Cung, nơi học tập và sinh hoạt của thái tử trước khi kế vị.

Ở phía Nam với một phạm vi tương đối hẹp được giới hạn bởi hệ thống các hồ nước tự nhiên ôm lấy khu vực Hoàng Thành đã trở thành nơi diễn ra nhiều hoạt động quan trọng. Nơi đây, có cửa Đại Hưng, cửa Đoan Môn là con đường chính đi vào hoàng cung của các sứ đoàn ngoại giao.

4.2. Khu kinh tế - dân gian

Vượt ra khỏi bức tường kiên cố của Hoàng Thành, chúng ta được hoà mình vào cuộc sống nhộn nhịp sôi động của các phố phường Thăng Long. Trước khi trở thành một trị sở của chính quyền, một kinh đô của quốc gia Đại Việt thì Thăng Long đã là một trung tâm kinh tế và là một thành thị khá phát triển. Bức tranh kinh tế cũng rất đa dạng với nhiều ngành nghề khác nhau đã tạo ra một Thăng Long giàu có và thịnh vượng.

Khu vực kinh tế - dân gian bao gồm cả một số làng xóm nông nghiệp, những phố phường công thương nghiệp và hệ thống chợ - bến. Thông thương trong thành với ngoài thành được thực hiện qua hệ thống các cửa ô. Chúng ta không biết chính xác thành Đại La thời Lý có bao nhiêu cửa ô. Một số cửa ô được nhắc đến trong các bộ biên niên sử và các tài liệu khác: cửa Triều Đông (quãng dốc Hoè Nhại), cửa Tây Dương (Cầu Giấy), cửa Trường Quảng (ô Chợ Dừa), cửa Nam (ô Cầu Dền), cửa Vạn Xuân (ô Đống Mác).

Kinh tế nông nghiệp không còn là bộ phận chủ yếu trong kết cấu kinh tế, nhưng vẫn tồn tại ở một vài khu vực trong Đại La thành và nhất là các làng ngoại thành, tập trung ở khu vực phía Nam và có thể cả phía Tây.

Các làng thủ công nghiệp nằm rải rác ở nhiều phố phường, nhưng tập trung ở khu

⁽⁵⁾ Chu Khứ Phi, *Lĩnh Ngoại đại đáp*, Bản dịch tư liệu Khoa Lịch sử.

vực phía Đông và phía Tây kinh thành với cơ cấu nghề rất phong phú. Một hệ thống các phường thủ công với nhiều ngành nghề truyền thống của nhiều cư dân từ các làng nghề ở nông thôn lên Thăng Long sinh sống ở khu vực phía Đông chẳng những tạo ra một bức tranh kinh tế đa dạng mà nó còn hình thành một kết cấu hành chính-xã hội khá đặc sắc. Đó là sự đan xen giữa thành thị và nông thôn, giữa phường với tư cách là một tổ chức hành chính với phường là hình thức tổ chức của hoạt động công thương nghiệp. Đặc trưng này tồn tại ở hầu hết các thôn phường ở Thăng Long trong suốt tiến trình phát triển của mình. Ngoài khu vực phía Đông, khu vực xung quanh Hồ Tây cũng là nơi có nhiều nghề thủ công phát triển với các phường chuyên trồng dâu, chăn tằm, dệt vải lụa, như trại Tằm Tang (sau đổi là phường Tích Ma, rồi Nghi Tàm), nghề làm giấy ở Yên Thái, Hồ Khẩu...

Trung tâm *thương mại* sầm uất nhất của kinh thành tập trung ở khu vực Đông Bắc bên bờ sông Nhị và sông Tô Lịch. Nơi đây tập trung nhiều phố phường, chợ, bến cảng: chợ Đông, bến Giang Khẩu, bến Triều Đông (Đông Bộ Đầu). Bên cạnh đó, tại các cửa ô (nơi tiếp xúc giữa nội thành và ngoại thành), các cửa thành (nơi tiếp xúc giữa khu vực hành chính quan liêu với khu vực kinh tế dân gian) cũng thường có chợ như là các trung tâm thương nghiệp khá đông đúc (bốn cửa thành là bốn chợ lớn gọi theo phương hướng: Bắc (cửa Diêu Đức), Nam (cửa Đại Hưng), Đông (cửa Tường Phù, cửa Đông), Tây hay Tây Nhai (cửa Quảng Phúc), trong đó lớn nhất và được sử sách nhắc đến nhiều là chợ Đông và chợ Tây hay Tây Nhai.

Khu vực kinh tế dân gian là nơi sinh sống chủ yếu của những người nông dân, những người thợ thủ công, những người buôn bán, nói chung là các tầng lớp thứ dân, trong đó

một bộ phận có nguồn gốc tại chỗ còn hầu hết là nhập cư. Điều đó tạo ra một bức tranh xã hội vừa đa dạng, vừa phong phú. Thăng Long thực sự trở thành điểm đến, thành nơi tụ hội của bốn phương tám hướng.

5. Trong bối cảnh nguồn tư liệu về Thăng Long thế kỷ XI - XIV còn hạn chế, và phác họa về tổ chức hành chính và quy hoạch đô thị của Thăng Long thời Lý - Trần mới chỉ dừng lại ở bước đầu nhưng với những hiểu biết đã có chúng ta có thể đưa ra một số nhận xét về thành thị này trong những thế kỷ đầu tiên kể từ ngày định đô.

Thứ nhất, điều có thể dễ dàng nhận ra ở kinh đô nước Đại Việt thời Lý - Trần đó là việc hệ thống tổ chức có thể được phân cấp rõ ràng cụ thể làm cơ sở cho các hoạt động quản lý. Hệ thống này bao gồm các phường, ngõ, phố tạo ra những khả năng quản lý và liên kết. Điều này lý giải tại sao trong nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm mà điển hình là cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông thế kỷ XIII, chỉ trong thời gian ngắn, triều đình nhà Trần đã vận động toàn bộ dân cư kinh thành Thăng Long sơ tán hết sức nhanh chóng, thực hiện triệt để kế hoạch "*vườn không nhà trống*".

Bên cạnh đó, thành Thăng Long ngay từ thời định đô đã được quy hoạch một cách hoàn chỉnh với các khu vực có những chức năng và nhiệm vụ riêng biệt. Điều này tạo ra những cơ sở thuận lợi cho việc quản lý kinh thành và dân cư. Nhưng cũng cần phải nhận thấy rằng mặc dù được phân chia thành nhiều khu vực khác nhau song các bộ phận này chẳng những không tách rời mà còn có quan hệ gắn gũi chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau phát triển. Trong Hoàng thành Thăng Long xưa, có hai cửa thành hết sức quan trọng, được nhắc đến nhiều trong các nguồn tư liệu đó là cửa Đại Hưng (cửa Nam) và cửa Đông Hoa (cửa Đông). Đây không chỉ là nơi

diễn ra nhiều hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá quan trọng của đất nước mà các địa điểm này còn được biết đến bởi là nơi giao lưu, trao đổi giữa khu chính trị - hành chính và khu kinh tế dân gian. Mặt khác, ở nhiều nơi trong kinh thành người ta cũng khó có thể phân biệt rạch ròi tính chất kinh tế bởi mỗi khu vực ở đây là sự tổng hợp của nhiều yếu tố kinh tế khác nhau nông nghiệp - thủ công nghiệp - thương nghiệp.

Bên cạnh các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các khu vực, Thăng Long - Hà Nội còn có những mối liên hệ với bên ngoài thông qua hệ thống các cửa ô. Sự mở rộng của các cửa ô làm hiển hiện một Thăng Long rộng mở, khai phóng và xứng đáng là đô thành bậc nhất của quốc gia Đại Việt dưới hai triều đại Lý, Trần.

Thứ hai, Thăng Long thời Lý - Trần là sự thể hiện đầy đủ tính thích ứng, khả năng tận dụng tối đa các điều kiện tự nhiên, hài hoà với tự nhiên và môi trường trong quy hoạch và xây dựng của người Việt.

Về căn bản, hệ thống thành luỹ Thăng Long nương theo các điều kiện tự nhiên đặc biệt là hệ thống sông hồ, đường nước với các hệ thống sông Hồng, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu. Hệ thống sông ngòi ở đây vừa đóng vai trò hệ thống hào tự nhiên bảo vệ cho khu trung tâm, vừa là hệ thống giao thông thủy thuận lợi liên lạc giữa các khu vực trong kinh thành, giữa Thăng Long với các vùng miền trong cả nước.

Người ta cũng dễ dàng nhận ra dù ở bất cứ kiến trúc nào ở Thăng Long cũng có các hệ thống cống thoát nước được xây dựng một cách hoàn chỉnh. Đó là cách thích nghi của cư dân Thăng Long với môi trường nhiệt đới ẩm gió mùa trên một mảnh đất có địa hình thấp, thường xuyên bị lũ lụt đe dọa. Xen kẽ giữa các cung điện, lầu gác là cả một hệ thống các giếng nước, ao hồ, sông ngòi... tạo ra một

khu vực hoàng cung vừa thâm nghiêm lại vừa phóng khoáng, tự nhiên

Cho đến cuối thế kỷ XIX, sau nhiều lần thay đổi, mở rộng song về cơ bản mặt bằng quy hoạch của Thăng Long không có nhiều khác biệt so với thời kỳ định đô. Nghiên cứu bản đồ Hà Nội 1873 của Phạm Đình Bách, chúng ta nhận ra Đại La thành và hệ thống sông ngòi vẫn là lớp luỹ quan trọng nhất và cũng là căn cứ để xác định địa giới Thăng Long - Hà Nội

Thứ ba, nhìn một cách tổng thể thành Thăng Long thế kỷ XI - XIV mới ở thời kỳ đầu của quá trình đô thị hoá. Thăng Long giai đoạn này còn mang đậm dấu ấn tự nhiên. Bên ngoài thành, ở phía Nam là Long Đàm (Thanh Trì) đầy đầm hồ, ở phía Tây là khu vực cánh đồng Bông, nơi có chùa Thánh Chúa lau sậy rậm rạp. Trong nội thành, hồ Mù Sương (Đâm Đàm) vừa tách khỏi sông Nhị, mênh mông sóng nước. Quanh bờ hồ là những rừng tre ngà, rừng gỗ... Sừ cũ còn ghi rất nhiều lần voi, hổ, cá sấu và các loại thú còn xuất hiện ở trong kinh thành. Tín ngưỡng dân gian ở Thăng Long còn thờ thần Thiết Lâm là thần rừng Lim, là thần thành hoàng của nhiều thôn phường Hà Nội. Tất cả những điều đó tạo nên một Thăng Long hoang sơ, tự nhiên trong buổi đầu trở thành kinh đô của nước Đại Việt.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- [2] Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, NXB Hà Nội, 1976.
- [3] Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, Tập I, NXB Giáo dục, 1999.

- [5] Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- [6] Nguyễn Khắc Đạm, *Phố phường, thành lũy và con người Hà Nội trong lịch sử*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997.
- [7] Trần Quốc Vượng (chủ biên), *Hà Nội - Thủ đô nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Sự thật, 1984.
- [8] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.

Administrative and urban planning in Thang Long - Hanoi from 11th to 14th centuries

Vu Van Quan¹, Vu Dương Luan²

¹*Department of History, College of Social Sciences and Humanities, VNU, Hanoi
336, Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

²*The Institute of Vietnamese Studies and Development Sciences, VNU, 336, Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

After more than 1000 years under the domination of the Northern feudal dynasties, the efforts of the Ngo - Dinh and early Le dynasties definitively wrested back Vietnam's independence and confirmed the nationalism. These shaped favorable conditions for the Ly dynasty to transfer its capital to Dai La, which was renamed Thang Long in 1010. Not until 10th century, the Dai La - Thang Long area used to be an important economic, political and military center in the Red River Delta from the occupation by Chinese Tang colonialists until 10th century. During the next 4 centuries under the Ly and Tran dynasties, the feudal leaders brought this area to a much higher level of development. Basing on materials from different sources, we can conclude that the capital of Thang Long was organized into administrative units, including wards, alleys and streets. Established in 1230, Binh Bac provincial service office (ty Binh Bac), was the earliest administrative known unit in Thang Long in the period from 11th to 14th centuries. Area planning of the Thang Long Citadel during the Ly-Tran dynasties strictly comprised of 2 main areas: administrative-bureaucratic and economic-folkloric areas. However, these areas were not clearly separated but rather linked together. Thang Long Citadel provided an evidence of flexible and harmonious elements, as well as of the Vietnamese people ability to exploit natural conditions for planning and construction. Generally, Thang Long Citadel from 11th- 14th centuries was the initial period of urbanization but with sharp imprints of nature. This resulted in a wild and natural Thang Long in its early stage as the capital of the country.